

**CÔNG TY TNHH GẤM VÓC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GẤM VÓC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GAM VOC COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110797074

**3. Ngày thành lập:** 26/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7 ngõ 56 phố Trần Quang Diệu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981887599

Fax:

Email: [vucamgiang@gmail.com](mailto:vucamgiang@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                        | 1311        |
| 2.  | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                               | 1312        |
| 3.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                             | 1313        |
| 4.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                             | 1391        |
| 5.  | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                      | 1410        |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                    | 1420        |
| 7.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                | 1430        |
| 8.  | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                       | 1511        |
| 9.  | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                      | 1512        |
| 10. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                  | 1520        |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                    | 4610        |
| 12. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vải<br>- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác<br>- Bán buôn hàng may mặc<br>- Bán buôn giày dép | 4641(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                                      | 4649 |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày                                                                                                                                                                    | 4659 |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                      | 4669 |
| 16. | Bán buôn tổng hợp<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản, các mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh)                                                                                                                                                                               | 4690 |
| 17. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                 | 4751 |
| 18. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                  | 4753 |
| 19. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)                                      | 4719 |
| 20. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771 |
| 21. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                     | 4782 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)<br>(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 4791 |
| 23. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động phiên dịch;                                                                                                                                                                                                                                        | 7490 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Không bao gồm: hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu).                                                                                                                                                        | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên     | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MINH PHƯƠNG | Việt Nam  | Thôn 10, Xã Phù Lưu Tế, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | 10.000.000            | 10,000    | 001198011788                                                                                            |         |
| 2   | VŨ CẨM GIANG       | Việt Nam  | CH401, Nhà C5, KTT Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 90.000.000            | 90,000    | 001183031561                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ CẨM GIANG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *28/12/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001183031561*

Ngày cấp: *29/12/2022*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *CH401, Nhà C5, KTT Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Phòng 401, Tập thể C5 Đường Trần Huy Liệu, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*